

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM RETAIL**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2026*



## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM RETAIL

### CĂN CỨ:

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 (“**Luật Doanh Nghiệp**”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán năm 2019 (“**Luật Chứng khoán**”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC, Thông tư Thông tư số 18/2025/TT-BTC và Thông tư 08/2026/TT-BTC (“**Thông tư 96**”);
- Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là “**Quy chế CBTT của SGDCK**”);
- Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là “**Quy chế niêm yết của SGDCK**”);
- Điều lệ Công Ty Cổ phần Vincom Retail (sau đây gọi tắt là “**Công Ty**”).

### I. MỤC ĐÍCH CỦA QUY CHẾ

Quy chế công bố thông tin này (“**Quy chế**”) được ban hành nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng với Công Ty và các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin được quy định trong:

- Thông tư 96;
- Quy chế CBTT của SGDCK;
- Quy chế niêm yết của SGDCK; và
- Các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan đến việc công bố thông tin có hiệu lực vào từng thời điểm.

### II. CHỮ VIẾT TẮT TRONG QUY CHẾ

- BGĐ: Ban Giám đốc
- CBTT: Công bố thông tin
- SGDCK: Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- TCTLKCK: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

### III. ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Quy chế này được áp dụng cho các đối tượng sau đây:

1. Công Ty.
2. Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); thư ký Công Ty, người phụ trách quản trị Công Ty, người được ủy quyền

công bố thông tin (sau đây gọi chung là “**Người Nội Bộ**”) và người có liên quan của Người Nội Bộ.

3. Cổ đông lớn, nhóm Người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.
4. Cổ đông, nhóm Người có liên quan mua vào để sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.
5. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công Ty.

Để làm rõ, tại Quy chế này:

- (i) “**Người có liên quan**” có nghĩa là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán.
- (ii) “**Ban Giám đốc**”, “**BGD**” gồm những Người Điều Hành theo quy định tại khoản 1.1 Điều 1 Điều Lệ Công ty.

#### **IV. NỘI DUNG QUY CHẾ**

##### **1. Nguyên tắc CBTT**

- 1.1 Việc CBTT phải đầy đủ, khách quan, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật, bảo đảm mọi thông tin liên quan về quản trị, hoạt động, chiến lược và kết quả kinh doanh của công ty, đặc biệt mọi sự việc hoặc sự kiện trọng yếu xảy ra, hoặc việc mua, bán những tài sản quan trọng, có thể ảnh hưởng bất lợi đến khả năng phát triển hoặc lợi ích của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác cần được công bố một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời theo quy định luật pháp hiện hành.
- 1.2 Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
- 1.3 Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- 1.4 Các đối tượng CBTT khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại mục 1.1 nêu trên và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK hai (02) bản tài liệu, trong đó một (01) bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và một (01) bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.
- 1.5 Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
- 1.6 Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

- (i) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu mười (10) năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là năm (05) năm;
- (ii) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là năm (05) năm.

## **2. Ngôn ngữ công bố thông tin**

Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là Tiếng Việt và Tiếng Anh.

## **3. Người thực hiện công bố thông tin của Công Ty:**

- 3.1 Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT (sau đây gọi chung là “**Người CBTT**”) của Công Ty chịu trách nhiệm CBTT theo quy định.
- 3.2 Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của BGD có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn một (01) người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của BGD phải thực hiện bầu hoặc chỉ định một (01) người chịu trách nhiệm CBTT.
- 3.3 Công Ty phải báo cáo hoặc báo cáo lại thông tin về Người CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT theo quy định tại Thông tư 96.

## **4. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

- 4.1 Phương tiện báo cáo, công bố thông tin:
  - Trang thông tin điện tử (website) của Công Ty (có thể lựa chọn ngôn ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh): Đảm bảo quyền truy cập của cổ đông, nhà đầu tư, và các bên có quyền lợi liên quan để họ có thể tiếp cận được thông tin một cách công bằng và minh bạch;
  - Hệ thống CBTT của UBCKNN;
  - Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK;
  - Trang thông tin điện tử của TCTLKCK;
  - Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).
- 4.2 Người CBTT và các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện CBTT của Công Ty thông qua các phương tiện báo cáo, CBTT tại Mục 4.1 nêu trên phải đảm bảo nguyên tắc:
  - Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm: tên truy cập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện CBTT;
  - Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK và/hoặc TCTLKCK.
- 4.3 Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng: Các thông tin được cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như: trả lời phỏng vấn, bài viết, thông tin bằng các hình thức khác... liên quan đến nội dung CBTT của Công Ty phải là thông tin đã được BGD phê duyệt.

4.4 Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công Ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

4.5 Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

## **5. Chế độ báo cáo và công bố thông tin.**

5.1 Công Ty thực hiện chế độ báo cáo và CBTT trong các trường hợp sau:

- (i) CBTT định kỳ theo quy định tại Mục I – Phụ Lục 1 đính kèm Quy chế này
- (ii) CBTT bất thường theo quy định tại Mục II – Phụ Lục 1 đính kèm Quy chế này.
- (iii) CBTT theo yêu cầu theo quy định tại Mục III – Phụ Lục 1 đính kèm Quy chế này.
- (iv) CBTT về các hoạt động khác của Công Ty đại chúng theo quy định tại Mục IV – Phụ Lục 1 đính kèm Quy chế này.

5.2 Chế độ báo cáo, CBTT của các đối tượng khác theo quy định tại Phụ Lục 2 đính kèm Quy chế này.

## **6. Quy trình công bố thông tin**

Quy trình CBTT của Công Ty được thực hiện theo các bước như sau:

### **6.1 Bước 1. Cung cấp thông tin**

- (i) Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan thuộc Công Ty phải ngay lập tức gửi thông tin đến Người CBTT hoặc Ban/Phòng phụ trách việc CBTT theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố;
- (ii) Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK và CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng.

### **6.2 Bước 2. Xử lý thông tin**

Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người CBTT/Ban/Phòng phụ trách CBTT thực hiện theo trình tự:

- (i) Kiểm tra thông tin;
- (ii) Đối chiếu với các quy định về CBTT;
- (iii) Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

### **6.3 Bước 3. Trình BGD phê duyệt**

- (i) Người CBTT/Ban/Phòng phụ trách CBTT trình BGD của Công Ty xem xét, phê duyệt nội dung CBTT;
- (ii) Sau khi nội dung thông tin đã được phê duyệt, Người CBTT thực hiện công bố theo quy định.

### **6.4 Bước 3. Báo cáo và CBTT**

- (i) Người CBTT gửi văn bản CBTT đến UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK (tùy theo yêu cầu của loại thông tin cần công bố), đăng tải nội dung CBTT trên trang thông tin điện tử của Công Ty theo đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn CBTT theo quy định của pháp luật.
- (ii) Công Ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK nếu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 10 Điều 7 Thông tư 96.

- (iii) Các bộ phận liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

*(Lưu ý: Các thông tin trên phải được gửi cho UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK [tùy theo yêu cầu của loại thông tin cần công bố] trước khi CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng khác).*

#### **6.5 Bước 4. Bảo quản và lưu trữ thông tin**

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và CBTT sẽ được lưu trữ tại Công Ty theo quy định của pháp luật để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các Nhà đầu tư.

#### **7. Tạm hoãn công bố thông tin**

- 7.1 Công Ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh...).
- 7.2 Công Ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
- 7.3 Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

#### **8. Trách nhiệm của HĐQT**

- 8.1 Thiết lập và giám sát việc thực hiện các nguyên tắc và chính sách về công bố thông tin.
- 8.2 Giám sát và bảo đảm tính hiệu quả của hệ thống công bố thông tin để hoạt động công bố thông tin của công ty tuân thủ chính sách công bố thông tin, bảo đảm để cổ đông, nhà đầu tư, và các bên có quyền lợi liên quan tiếp cận được thông tin một cách công bằng và không cho phép lạm dụng thông tin nội bộ hoặc giao dịch nội gián.

#### **9. Trách nhiệm của Người CBTT**

- 9.1 Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công Ty theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.
- 9.2 Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT một cách cẩn trọng, trung thực, trách nhiệm, miễn cưỡng.

#### **10. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân liên quan**

- 10.1 Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các bộ phận, cá nhân liên quan cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này.
- 10.2 Trưởng các Phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người CBTT.
- 10.3 Việc CBTT liên quan đến HĐQT/BGĐ thì Thư ký HĐQT/BGĐ chịu trách nhiệm theo dõi nghĩa vụ CBTT và cung cấp thông tin cho Người CBTT.

#### **11. Hiệu lực Quy chế**

- 11.1. Quy chế này đã được HĐQT thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 11.2. Chủ tịch HĐQT có quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế này phù hợp với nhu cầu thực tế về công tác CBTT và/hoặc cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi và/hoặc bổ sung tương ứng nội dung Quy chế này cho phù hợp. Nếu có sự mâu thuẫn giữa các quy định trong Quy chế này và các quy định của pháp luật (được sửa đổi theo từng thời kỳ), các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

- 11.3. BGD, các Phòng/Ban, cán bộ, nhân viên trong Công Ty và các cá nhân, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này.
- 11.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn và/hoặc vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Công Ty để được hướng dẫn và/hoặc giải quyết thông qua bộ phận Quan hệ cổ đông của Công ty:  
Email: ir@vincom.com.vn  
Số điện thoại: 0243 9756699, ext: 5445
- 11.5. Bất cứ vấn đề nào liên quan công tác CBTT của Công Ty không được quy định trong Quy chế này sẽ được quy định bởi pháp luật liên quan của Việt Nam về nghĩa vụ công bố thông tin, Quy chế CBTT của SGDCK và các văn bản pháp luật liên quan.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**PHỤ LỤC 1**  
**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY**  
 (đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công Ty)

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ</b>			
1	Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
2	BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính trong trường hợp Công Ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng</li> </ul>	
3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC quý.</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC quý được soát xét (nếu có).</li> <li>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý trong trường hợp Công Ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng</li> </ul>	Trường hợp Công Ty đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.

*Lưu ý: Khi CBTT các BCTC nêu tại mục 1, 2, 3 nêu trên, Công Ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:*

*a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ mười phần trăm (10%) trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;*

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ năm phân trăm (5%) trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.				
4	Báo cáo thường niên	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm đã được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán
5	Họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên			
5.1	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu họp	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên	
5.2	CBTT biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết	
6	Báo cáo tình hình quản trị Công Ty	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	
7	Bản cung cấp thông tin về quản trị Công Ty	Sở Giao dịch Chứng khoán nơi niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo sáu (06) tháng đầu năm: chậm nhất là ngày 30/07</li> <li>- Báo cáo năm: chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo</li> </ul>	Áp dụng trong trường hợp Công Ty niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
8	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty	Sở Giao dịch Chứng khoán nơi niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Quý 1 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28 của tháng 02 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 03.</li> <li>- Báo cáo Quý 2 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31 của tháng 05 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 06.</li> <li>- Báo cáo Quý 3 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần</li> </ul>	Áp dụng trong trường hợp Công Ty niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
			nhất trước ngày 31 của tháng 08 và gửi cho SGĐCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 09. - Báo cáo Quý 4 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30 của tháng 11 và gửi cho SGĐCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 12	
<b>II CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG (lưu ý phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có))</b>				
1	Tài khoản của Công Ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.	UBCKNN, SGĐCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công Ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	UBCKNN, SGĐCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
3	Thông qua Nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. <i>Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công Ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;</i>	UBCKNN, SGĐCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công Ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước	UBCKNN, SGĐCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
	ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;			
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công Ty, con dấu của Công Ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
9	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Nội Bộ, người có liên quan của Người Nội Bộ hoặc người có liên quan của Công Ty;	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
11	Công Ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người Nội Bộ; nhận được đơn xin từ chức của Người Nội Bộ (cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty). Đồng thời, Công Ty gửi cho UBCKNN, SGDCK bản	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
	cung cấp thông tin của Người Nội Bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư 96.			
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn mười lăm phần trăm (15%) tổng tài sản của Công Ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công Ty, Người Nội Bộ của Công Ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người Nội Bộ của Công Ty	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công Ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
15	Công Ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
16	Trường hợp Công Ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công Ty, Công Ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công Ty;	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên trên tổng tài sản của Công Ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp Công Ty là công ty mẹ);	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
22	Họp ĐHĐCĐ bất thường			
22.1	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu họp	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ bất thường	
22.2	CBTT Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết	
23	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản			
23.1	CBTT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và tài liệu lấy ý kiến	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	
23.2	CBTT Biên bản kiểm phiếu + Nghị quyết ĐHĐCĐ	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết	
24	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Trường hợp đề tham dự họp ĐHĐCĐ: tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Các trường hợp khác: Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Trường hợp Công Ty niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thì Công Ty gửi cho SGDCK tóm tắt số cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng và dữ liệu điện tử danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VSDC trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng
25	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, Công Ty phải	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Trong thời hạn CBTT BCTC năm/bán niên/quý như quy định tại Mục I.1, I.2, I.3 nêu trên.	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
	CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC.			
26	Trường hợp đặc biệt khác <i>Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công Ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp</i>	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	
<b>III</b>	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU</b>			
1	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công Ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)
2	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến Công Ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	
<b>IV</b>	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>			
1	Về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán đối với từng trường hợp cụ thể	
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	UBCKNN, SGDCK, website của Công Ty	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	

**PHỤ LỤC 2**

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**  
(đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công Ty)

**I. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÔNG TY**

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận báo cáo/thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
1	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu của Công Ty.	- SGDCK - UBCKNN - Công Ty	05 ngày làm việc kể từ thời điểm trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%).	
2	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu của Công Ty.	- SGDCK - UBCKNN - Công Ty	05 ngày làm việc kể từ thời điểm không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%).	
3	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng một phần trăm (1%) (áp dụng với cổ đông lớn/ nhóm người có liên quan sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu của Công Ty).	- SGDCK - UBCKNN - Công Ty	05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch.	
4	Công Ty CBTT về các trường hợp tại mục 1, 2, 3 nêu trên.	Website của Công Ty	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1, 2, 3 nêu trên.	

**II. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận báo cáo/thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
1	Người Nội Bộ/Người có liên quan của Người Nội Bộ CBTT và báo cáo trước khi thực hiện giao dịch có giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ năm mươi (50) triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ hai trăm (200) triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).	- SGDCK - UBCKNN - Công Ty	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.	Thông báo theo mẫu kèm theo Thông tư 96



*Handwritten signature*

2	Người Nội Bộ/Người có liên quan của Người Nội Bộ phải CBTT hoàn tất giao dịch quy định tại mục 1 nêu trên, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	- SGDCK - UBCKNN - Công Ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	Báo cáo theo mẫu kèm theo Thông tư 96
3	Công Ty CBTT trong các trường hợp tại mục 1, 2 nêu trên.	Website của Công Ty	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đối tượng tại mục 1, 2 nêu trên.	

### III. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, Công Ty mục tiêu phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào mua công khai, cụ thể:

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận báo cáo/ thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
1	Công Ty có trách nhiệm CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của Tổ chức/cá nhân trên trang thông tin điện tử của Công Ty.	Website Công Ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	
2	HĐQT Công Ty phải công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công Ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của Tổ chức/cá nhân; đồng thời báo cáo UBCKNN. Đánh giá, khuyến nghị của HĐQT Công Ty đối với việc chào mua công khai cổ phiếu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HĐQT có ý kiến khác, HĐQT phải công bố kèm theo các ý kiến này.	Website Công Ty	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	

